

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 27/2014/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
Căn cứ Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thủ tục cấp, gia hạn giấy phép quá cảnh, vận chuyển hàng hóa quá cảnh và tiêu thụ hàng hóa quá cảnh theo quy định của Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013 (sau đây viết tắt là Hiệp định).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia các hoạt động có liên quan đến quá cảnh hàng hóa theo quy định của Hiệp định.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Điều 3. Cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa

Thủ tục xin giấy phép quá cảnh hàng hóa được thực hiện như sau:

1. Đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng quy định tại Khoản 3 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư này) đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

a) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ của chủ hàng, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương trả lời chủ hàng bằng văn bản.

2. Đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia quy định tại Khoản 4 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu quy định tại Phụ lục IIA ban hành kèm theo Thông tư này) đến Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh (Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương). Địa chỉ: 12 Võ Văn Kiệt, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm của Campuchia quy định tại Khoản 5 Điều 4 Hiệp định, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cấp phép quá cảnh hàng hóa đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép quá cảnh: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính.

4. Đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý quy định tại Khoản 2 Điều 5 Hiệp định, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cấp phép quá cảnh hàng hóa đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính.

5. Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa quy định tại Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 4 Điều này được làm bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Trường hợp bằng tiếng Khmer thì chủ hàng phải gửi kèm theo bản dịch ra tiếng Việt đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại Vương quốc Campuchia hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Vương quốc Campuchia tại Việt Nam chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định.

6. Đối với hàng hóa quy định tại Khoản 5 Điều 4 Hiệp định và mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý quy định tại Khoản 2 Điều 5 Hiệp định, Bộ Công Thương cấp giấy phép quá cảnh sau khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ của chủ hàng và văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa gửi đến Bộ Công Thương Việt Nam qua Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của Việt Nam tại Campuchia hoặc Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của Campuchia tại Việt Nam.

7. Thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi chủ hàng yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa.

9. Mẫu giấy phép quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Phụ lục IB, Phụ lục IIB ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp giấy phép quá cảnh, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

Điều 4. Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa được cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIA ban hành kèm theo Thông tư này).
- b) Giấy phép quá cảnh hàng hóa đã được cấp: 01 bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng).

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa được cấp theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 3 Thông tư này bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa (theo mẫu quy định tại Phụ lục IVA ban hành kèm theo Thông tư này).
- b) Giấy phép quá cảnh hàng hóa đã được cấp: 01 bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng).
- c) Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa: 01 bản chính.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa gửi về cơ quan đã cấp giấy phép theo địa chỉ nêu tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

4. Văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa quy định Điểm c Khoản 2 Điều này được làm bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Trường hợp bằng tiếng Khmer thì chủ hàng phải gửi kèm theo bản dịch ra tiếng Việt đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại Vương quốc Campuchia hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Vương quốc Campuchia tại Việt Nam chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định.

5. Đối với hàng hóa quy định tại Khoản 5 Điều 4 Hiệp định và mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý quy định tại Khoản 2 Điều 5 Hiệp định, Bộ Công Thương gia hạn giấy phép quá cảnh sau khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ của chủ hàng và văn bản của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa gửi đến Bộ Công Thương Việt Nam qua Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của